

Cần tiếp tục hoàn thiện và phối hợp đồng bộ các giải pháp kiềm chế lạm phát

**NGUYỄN ĐẮC HUNG
VŨ QUỐC TOÀN**

Lạm phát đang tiếp tục “hoành hành” tại Châu Á và nhiều nước khác trên thế giới, tác động nhiều mặt đến phát triển ổn định kinh tế - xã hội, đời sống của người dân, Việt Nam không phải là ngoại lệ. Tính đến hết tháng 4-2011, chỉ số tăng giá trên thị trường xã hội (CPI) của Việt Nam đã lên tới 9,64%, nếu so với cùng kỳ năm ngoái tăng 17,51%, dự báo đến hết tháng 12-2011 là trên 12%, vượt xa so với mục tiêu đề ra theo nghị quyết của Quốc hội là 7%. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện và phối hợp đồng bộ các giải pháp kiềm chế lạm phát là việc làm cần thiết hiện nay.

1. Diễn biến lạm phát tại các khu vực lớn trên thế giới

Tại Trung Quốc, quốc gia đông dân nhất thế giới đến tháng 3-2011, lạm phát đã tăng lên 5,4%, vượt xa so với mục tiêu dự kiến là 4% và cao nhất kể từ năm 2008, tuy đến tháng 4-2011 có giảm nhẹ, xuống còn 5,3% nhưng vẫn ở mức cao. Nguyên nhân là do sự tác động kép của giá hàng hóa toàn cầu tăng và chi phí dịch vụ cùng giá của nhiều nhóm hàng hóa thiết yếu trong nước biến động lớn, đặc biệt là giá lương thực, thực phẩm và giá xăng dầu đã vượt lên trên mức độ dự báo, giá bất động sản tiếp tục nóng, thúc đẩy lạm phát của nước này tăng lên cao nhất trong 3 năm qua.

Tại Hàn Quốc, lạm phát đến tháng 3-2011 cũng đã lên tới 4,7%, mức tăng cao nhất trong 29 tháng qua của nước này.

Tại Thái Lan lạm phát đến tháng 3-2011 cũng lên tới 3,14%, cao nhất trong 7 tháng qua. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát tại hai quốc gia này được xác định cũng là do giá lương thực, thực phẩm, nhiên liệu tăng cao.

Quốc đảo Xingapo, lạm phát đến tháng 3-2011 cũng tăng lên 5,2%, cao nhất trong nhiều tháng qua, cũng chủ yếu do giá thị trường thế giới.

Tại Ấn Độ, chỉ số giá bán buôn đến tháng 3-2011 đã tăng lên tới 8,98%. Tại Indônêxia, lạm phát đến tháng 3-2011 so với tháng 3-2010 là 6,8%, của Philippin là 4,8%. Một số quốc gia khác ở Châu Á lạm phát cũng lên tới mức cao nhất trong hơn một năm qua. Tính chung tại 45 nền kinh tế Châu Á, dự kiến lạm phát sẽ lên tới mức 5,3% trong năm 2011, so với mức 4,0% của năm 2010.

Tại vương quốc Anh, lạm phát đến tháng 2-2011 cũng lên tới 4,4%, tăng gấp 2 lần năm 2008, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, xăng dầu và quần áo tăng. Trong khu vực đồng Euro, lạm phát đến tháng 3-2011 cũng lên mức 2,6%, cao nhất kể từ tháng 10-2008, cao hơn nhiều so với mức dự báo là 2,0%.

Để kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Trung ương các nước nói trên đều phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, với nhiều đợt tăng lãi suất chủ đạo. Trung Quốc còn thực hiện tới 5 đợt tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc kể từ đầu năm 2011 đến nay, các ngân hàng lớn bị áp dụng mức dự trữ bắt buộc tới 20,5%. Từ đầu năm 2011 đến nay, Trung Quốc 4 lần

Nguyễn Đắc Hưng, PGS. TS., Hà Nội; Vũ Quốc Toàn, ThS., Trường cao đẳng Công nghiệp và xây dựng Uông Bí-Quảng Ninh.

tăng lãi suất và Ấn Độ có tới 8 lần tăng lãi suất. Mức tăng lãi suất và dự trữ bắt buộc trong mỗi đợt điều chỉnh của Ngân hàng Trung ương các quốc gia nói trên chỉ từ 25% đến 50% điểm, cao nhất cũng chỉ 75% đến 100% điểm; tương ứng với 0,25% - 0,50%, hay 0,75% và 1,0% mức lãi suất hoặc tỷ lệ dự trữ bắt buộc, để tránh cú sốc cho thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Đồng thời các quốc gia đó không áp dụng thêm các công cụ hành chính nào khác (như hạn mức tín dụng, các cấm đoán khác về sử dụng vốn cho vay và tỷ lệ sử dụng vốn trong cho vay...), mà chỉ sử dụng công cụ gián tiếp trong điều hành chính sách tiền tệ. Tại nhiều nước, chính phủ còn thực thi nhiều biện pháp khuyến khích phát triển sản xuất lương thực - thực phẩm trong nước, quản lý chặt chẽ thị trường, chống đầu cơ, tăng giá bất hợp pháp.

2. Lo ngại lạm phát tại Châu Á tiếp tục gia tăng

Mặc dù với nhiều nỗ lực như trên, nhưng cuộc chiến lạm phát ở Châu Á tiếp tục đối mặt với một số diễn biến mới. Nhiều phân tích cho rằng thảm họa động đất tại Nhật Bản sẽ đẩy lạm phát tại Châu Á tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Giá chip DRAM sử dụng trong điện thoại di động, máy tính xách tay và các thiết bị điện tử đầu tháng 4-2011 đã tăng khoảng 8% so với thời điểm trước ngày 11-3-2011, sau khi sóng thần xảy ra do lo ngại nguồn cung từ Nhật Bản bị sụt giảm, đẩy giá thành và giá bán các sản phẩm đó tăng lên. Giá khí đốt hóa lỏng cũng tăng 10% - 20% tại thị trường Châu Âu và Châu Á do giới đầu tư dự đoán Nhật Bản sẽ tăng nhu cầu mua vào để bù cho điện hạt nhân bị thiếu hụt nghiêm trọng. Giá dầu thô có thể tiếp tục tăng lên do vẫn xảy ra bất ổn tại khu vực Trung Đông. Giá gỗ xây dựng cũng gia tăng do Nhật Bản có nhu cầu lớn để xây dựng lại nhà ở. Sóng thần cũng làm Nhật Bản giảm 20% lúa gạo, trong khi đó nước này phải nhập khẩu 59% nhu cầu lương thực - thực phẩm trong nước, trong đó nhập khẩu gần 100% nhu cầu bột mì và

đậu, 40% nhu cầu thịt. Hiện nay Nhật Bản cũng đang nhập khẩu 40% mặt hàng hải sản do mặt hàng này trong nước bị nhiễm xạ nặng. Tình trạng nhập khẩu ồ ạt thực phẩm, khí gas hóa lỏng có nguy cơ đẩy giá mặt hàng này trong khu vực Châu Á tăng cao, dự báo cũng sẽ tác động mạnh đến lạm phát. Nhiều nền kinh tế khác ở Châu Á cũng tiếp tục có nhu cầu lớn về nhập khẩu lương thực - thực phẩm, nên đang gây ra một số lo ngại chưa thể giảm giá mặt hàng này trên thị trường thế giới trong thời gian tới.

3. Vì sao lạm phát của Việt Nam cao hơn các nước trong khu vực?

Lạm phát của Việt Nam nằm trong tình trạng chung của khu vực Châu Á cũng như nhiều nền kinh tế khác của thế giới, nhưng mức lạm phát của Việt Nam cao hơn rất nhiều và Việt Nam phối hợp thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp thắt chặt tiền tệ hơn so với Ngân hàng Trung ương nhiều quốc gia trên thế giới, riêng tỷ lệ dự trữ bắt buộc vẫn duy trì ổn định ở mức thấp. Về phương pháp công bố chỉ số lạm phát tại Việt Nam đó là chỉ số CPI hàng tháng và tính lũy kế từ đầu năm cho đến tháng công bố; trong khi đó hầu hết các nước trên thế giới, chỉ số giá tiêu dùng được công bố là của 12 tháng qua tính đến thời điểm hiện tại. Đồng thời khi công bố lạm phát, các nước cũng đưa ra ngay nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tăng giá hàng tiêu dùng, đó là mặt hàng lương thực - thực phẩm, nhiên liệu và nguyên liệu thô. Nguyên nhân tiền tệ không được đề cập đến nhiều, trừ Trung Quốc. Việc đưa ra thông tin như vậy thể hiện sự tuyên bố chính thức của cơ quan chức năng về nguyên nhân lạm phát.

Nguyên nhân lạm phát của Việt Nam bao gồm cả ba yếu tố: tiền tệ, cầu kéo và chi phí đẩy, cụ thể như sau:

Một là, mặt hàng lương thực - thực phẩm chiếm tỷ trọng 39,93% trong rổ hàng hóa tính CPI có mức tăng giá cao nhất và là nguyên nhân lớn nhất làm cho chỉ số CPI

tăng cao. Nhóm mặt hàng này tăng giá là do thiên tai, dịch bệnh và giá thu mua hàng hóa cho xuất khẩu. Giá cả thị trường thế giới tăng, cùng với biến động của lãi suất và tỷ giá thị trường trong nước, việc điều chỉnh giá bán điện, than, giá bán lẻ xăng dầu, gas... là những nguyên nhân trực tiếp đẩy chi phí hàng loạt hàng hóa và dịch vụ tăng cao.

Hai là, về yếu tố tâm lý, Việt Nam là nền kinh tế bị đôla hóa cao. Bên cạnh đó, vàng miếng được người dân sử dụng như một đồng tiền với đầy đủ chức năng như tiền tệ, nhất là trong cất trữ tài sản và thanh toán mua nhà đất tại nhiều nơi. Trong điều kiện giá vàng thị trường thế giới biến động mạnh, Việt Nam lại phải nhập khẩu tới 95% nhu cầu vàng cho thị trường trong nước, với khối lượng nhập khẩu lớn, hơn nửa tỷ giá VND/USD tăng mạnh, làm cho giá vàng thị trường trong nước tăng cao. Vàng, đôla Mỹ tăng giá, cùng với các tác động đến tâm lý của người dân về tình trạng lạm phát, về sự mất giá của đồng Việt Nam, nên người dân càng tìm đến những tài sản bảo toàn giá trị là nhà đất, vàng và đôla Mỹ. Diễn biến đó một lần nữa lại tác động đến chỉ số giá tiêu dùng, gây sức ép lên huy động vốn nội tệ và lãi suất huy động vốn nội tệ. Tại Việt Nam, giá vàng và ngoại tệ không thuộc nhóm hàng hóa và dịch vụ tính chỉ số CPI, nhưng có tác động rất lớn về mặt tâm lý, về chi phí đẩy lên CPI. Đến lượt nó, CPI, giá vàng, ngoại tệ lại tác động lên giá bất động sản, thực tế thấy rất rõ tại khu vực Hà Nội và biến động tiền gửi nội tệ trong hệ thống ngân hàng ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh những tháng đầu năm 2011.

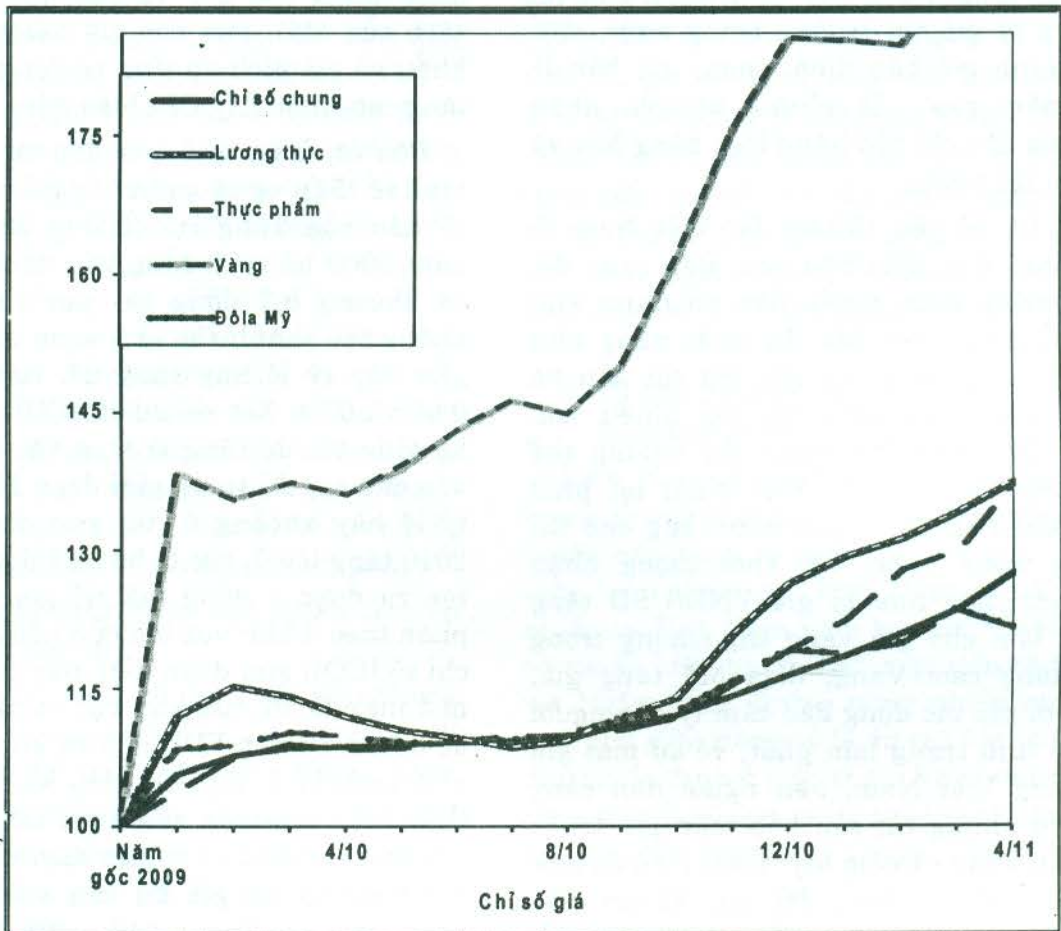
Ba là, nhập siêu ở mức độ lớn và kéo dài, càng tạo nên sức ép của tỷ giá. Trong 4 tháng đầu năm 2011, nhập siêu của Việt Nam tiếp tục ở mức cao, lên tới 4,8 tỷ USD. Dự báo với xu hướng này thì mức nhập siêu cả năm 2011 sẽ lên tới trên 13 tỷ USD, vượt mức nhập siêu của năm 2010 là 12,4 tỷ USD. Đồng Việt Nam mất giá mạnh lại

càng tác động đến tâm lý của người dân. Trong khi nội tệ của các nước trong khu vực đứng giá, hay lên giá (trừ Nhân dân tệ theo quan điểm của EU và các nhà lập chính sách của Mỹ), làm cho giá hàng hóa nhập khẩu và giá dịch vụ tính ra đồng Việt Nam tăng cao, thúc đẩy CPI biến động.

Bốn là, hiệu quả vốn đầu tư trong nền kinh tế thấp và có xu hướng giảm sút. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nếu như năm 2000 bỏ ra 1 đồng vốn đầu tư thì tạo ra khoảng 0,7 đồng tài sản và 0,3 đồng không tạo thành tài sản, song một số năm gần đây tỷ lệ này thay đổi tương ứng là 0,66 và 0,34. Xét về chỉ số ICOR: mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và tốc độ tăng vốn đầu tư, thì trong giai đoạn 2000 – 2005 tỷ lệ này khoảng 5, thì giai đoạn 2006 – 2010 tăng lên 7, tức là bỏ ra 7 đồng vốn mới tạo ra được 1 đồng giá trị gia tăng. Nếu phân theo 3 khu vực lớn của nền kinh tế thì chỉ số ICOR giai đoạn hiện nay của khu vực nhà nước là 10, của khu vực tư nhân (không kể doanh nghiệp FDI) là 5 và khu vực ngoài nhà nước là 3. Một chỉ tiêu khác cũng cho thấy hiệu quả của sản xuất tiếp tục giảm sút trong những năm gần đây, đó là giá trị gia tăng so với giá trị sản xuất nếu như năm 2000 vào khoảng 45 – 46%, thì một số năm gần đây vào khoảng 37-38%. Điều đó có nghĩa là trong 1 đồng giá trị sản xuất thì chỉ có 0,37 – 0,38 đồng giá trị gia tăng (GDP). Tỷ lệ này của Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới.

Các nguyên nhân nói trên cũng lý giải cho câu hỏi: tại sao các nước khác cũng bị ảnh hưởng của giá thị trường thế giới nhưng lạm phát không cao, trong khi đó của Việt Nam thì cao gấp nhiều lần. Đồng thời tại sao lãi suất huy động vốn nội tệ cao, cao hơn hay tương đương chỉ số CPI, nhưng số vốn huy động của các ngân hàng thương mại thời gian qua tăng chậm. Cụ thể chỉ số CPI tháng 3-2011 so với cùng kỳ năm ngoái tăng 13,89%, trong khi đó lãi suất huy động vốn nội tệ theo trần khống chế của Ngân hàng Nhà nước là 14%/năm.

HÌNH 1. Mối quan hệ giữa chỉ số giá chung (CPI) và giá một số mặt hàng chủ yếu ảnh hưởng lớn nhất đến CPI so sánh giữa kỳ gốc năm 2000 đến tháng 4-2011



4. Triển khai các giải pháp kiểm chế lạm phát

Trước diễn biến nói trên, ngày 24-2-2011 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về thực hiện các giải pháp nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Các giải pháp đó đang được Chính phủ chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt.

Đối với ngành ngân hàng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN, cùng với một loạt biện pháp cụ thể để thắt chặt tiền tệ, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết nói trên. Các ngân hàng thương mại đã và đang triển khai tích cực, nghiêm túc chủ trương kiểm chế lạm phát.

4.1. Thắt chặt tiền tệ và tăng cường quản lý ngoại hối

Trước khi có Nghị quyết 11, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động thực hiện một số giải pháp thắt chặt tiền tệ và tăng cường quản lý ngoại hối. Cụ thể là kể từ ngày 17-2-2011, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định tăng lãi suất tái cấp vốn lên 11%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác là 11%/năm (so với mức 9%/năm trước đây), giữ nguyên lãi suất tái chiết khấu ở mức 7%/năm.

Từ ngày 11-2-2011 Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng 9,3% tỷ giá liên ngân hàng

và thu hẹp biên độ giao dịch tỷ giá VND/USD của các ngân hàng thương mại với doanh nghiệp cũng như khách hàng nói chung từ $\pm 3\%$ xuống còn $\pm 1\%$. Trong điều hành các đợt sau này, cuối tháng 3 và đầu tháng 4-2011, tỷ giá liên ngân hàng cũng được chủ động điều chỉnh tăng nhưng với mức độ không lớn. Thực hiện quy định này, các ngân hàng thương mại niêm yết đúng tỷ giá giao dịch với khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thu thêm phí.

Tiếp đó, trên cơ sở diễn biến của thị trường và thực hiện Nghị quyết 11, ngày 8-3-2011, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng một số loại lãi suất chủ đạo. Theo đó, các mức lãi suất trên đồng loạt được điều chỉnh tăng lên 12%/năm. Cụ thể, lãi suất tái chiết khấu tăng từ 7%/năm lên 12%/năm, lãi suất tái cấp vốn tăng từ 11%/năm lên 12%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng từ 11%/năm lên 12%/năm. Đến ngày 31-3-2011, Ngân hàng Nhà nước quyết định tiếp tục tăng cao hơn nữa các loại lãi suất nói trên: cho vay tái cấp vốn, cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ, cùng lên mức 13%/năm.

Cũng theo hướng thắt chặt tiền tệ qua kênh lãi suất, với quyết định số 929/QĐ-NHNN, ngày 29-4-2011, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tăng một số loại lãi suất từ đầu tháng 5-2011. Theo đó lãi suất cho vay tái cấp vốn, cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ, cùng tăng từ 13%/năm lên mức 14%/năm, lãi suất tái chiết khấu tăng lên 13%/năm.

Với việc tăng mạnh lãi suất tái chiết khấu và các loại lãi suất khác, Ngân hàng Nhà nước siết chặt thêm việc bơm tiền cho các ngân hàng thương mại, thực hiện đúng Nghị quyết của Chính phủ về việc siết chặt thị trường tín dụng, kiểm chế lạm phát.

Ngày 9-4-2011, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 750/QĐ-NHNN điều

chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ đối với các tổ chức tín dụng. Theo đó, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ áp dụng như sau: các ngân hàng thương mại nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam), ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tăng từ 4% lên 6% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương, ngân hàng hợp tác tăng từ 3% lên 5% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ áp dụng như sau: các ngân hàng thương mại nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam), ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tăng từ 2% lên 4% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc;

Với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương, ngân hàng hợp tác tăng từ 1% lên 3% trên tổng số dư tiền gửi phải dự trữ bắt buộc. Quyết định này có hiệu lực kể từ kỳ duy trì dự trữ bắt buộc tháng 5-2011.

Hỗ trợ cho điều hành tỷ giá là một số biện pháp hành chính được triển khai nhằm thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh quản lý ngoại hối. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước phối hợp cùng các ngành chức năng (như: quản lý thị trường, công an) tiến hành kiểm tra, xử phạt và xử lý các trường hợp niêm yết, bán hàng hóa và dịch vụ thu bằng ngoại tệ trái phép, thu đổi ngoại tệ trái phép của các cửa hàng vàng bạc tư nhân, tập trung là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Về nghiệp vụ kinh doanh vàng và huy động vốn bằng vàng của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước đang dừng cấp

phép sản xuất và kinh doanh vàng miếng, hướng tới chấm dứt huy động vàng trong ngân hàng; đồng thời khẩn trương hoàn thành dự thảo Nghị định quản lý kinh doanh vàng,....

Tiếp đó, ngày 29-4-2011 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành Thông tư số 11/2011/TT-NHNN quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước quy định, tổ chức tín dụng không được thực hiện cho vay vốn bằng vàng đối với khách hàng và các tổ chức tín dụng khác (kể cả các hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân chưa hết); không được thực hiện các nghiệp vụ ủy thác, đầu tư và các hình thức cấp tín dụng khác bằng vàng. Tổ chức tín dụng không được huy động vốn bằng vàng, trừ trường hợp phát hành chứng chỉ ngắn hạn bằng vàng để chi trả vàng theo yêu cầu của khách hàng khi số vàng thu nợ và tồn quỹ không đủ để chi trả. Việc phát hành chứng chỉ ngắn hạn bằng vàng của tổ chức tín dụng chấm dứt vào ngày 01-5-2012. Tổ chức tín dụng không được chuyển đổi vốn huy động bằng vàng trước đây thành đồng Việt Nam và các hình thức bằng tiền khác. Đối với số vốn bằng vàng đã chuyển đổi thành tiền phải tất toán chậm nhất là ngày 30-6-2011.

Mục đích của việc ban hành quy định nói trên là giảm tình trạng đôla hóa trong nền kinh tế, hạn chế tình trạng đầu cơ để góp phần ổn định thị trường ngoại hối (ngoại tệ, vàng), giảm phương tiện thanh toán bằng vàng trong lưu thông.

Một quyết định tiếp theo, đó là Ngân hàng Nhà nước quy định, từ ngày 13-4-2011, lãi suất tiền gửi ngoại tệ tối đa tại các tổ chức tín dụng đối với khách hàng cá nhân chỉ có 3%/năm và của doanh nghiệp chỉ có 1%/năm. Quyết định này một mặt nhằm ngăn chặn cuộc đua tăng lãi suất ngoại tệ trên thị trường, mặt khác góp phần hạn chế việc chuyển đổi từ nội tệ sang ngoại tệ, khuyến khích khách hàng gửi nội tệ vào ngân hàng,

giảm áp lực cầu ngoại tệ, tác động tích cực đến tỷ giá VND/USD và góp phần giảm tình trạng đôla hóa trong nền kinh tế.

Tất cả các biện pháp cụ thể nói trên đã có tác động nhìn thấy trong thực tế, đó là thị trường ngoại hối đã đi vào ổn định. Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do đã giảm mạnh và từ đầu tháng 4-2011 chỉ xoay quanh tỷ giá của ngân hàng thương mại giao dịch với khách hàng, thậm chí nhiều thời điểm còn thấp hơn. Các doanh nghiệp đã tăng cường bán ngoại tệ cho ngân hàng thương mại. Đến cuối tháng 4-2011, lần đầu tiên trong 3 năm qua, nhiều ngân hàng thương mại đã mua đôla Mỹ theo giá sàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4.2. Kiểm soát tăng trưởng tín dụng và điều chỉnh cơ cấu, nâng cao chất lượng tín dụng

Một giải pháp khác cũng đang được các ngân hàng thương mại chấp hành triển khai theo Chỉ thị 01 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đó là xây dựng lại kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2011 không quá 20% so với cuối năm 2010.

Về chiến lược kinh doanh, đồng thời để đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng và thực hiện Nghị quyết 11, các ngân hàng thương mại đều điều chỉnh phần lớn tăng trưởng tín dụng trong năm nay sang tập trung cho sản xuất, khu vực nông nghiệp - nông thôn, sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp vừa và nhỏ, với kỳ vọng sẽ góp phần rất lớn vào tăng trưởng tạo ra nhiều hàng hóa cho thị trường.

Theo quy định trong Chỉ thị 01 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 30-6-2011, tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất của các tổ chức tín dụng so với tổng dư nợ tối đa là 22% và đến ngày 31-12-2011 tối đa là 16%, trong đó tập trung là hạn chế cho vay chứng khoán và đầu tư bất động sản.

5. Dự báo lạm phát của Việt Nam trong thời gian tới

Ngoài những tác động chung về diễn biến thị trường khu vực cũng như thế giới, thì

trong thời gian gần đây, Chính phủ liên tiếp cho phép điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu và dự kiến tiếp tục điều chỉnh tăng cao hơn trong thời gian tới.

Đóng góp vào chỉ số CPI tháng 4-2011 tăng 3,32% (4 tháng đầu năm 2011 tăng 9,64%) thì riêng giá bán lẻ xăng dầu được điều chỉnh tăng đã làm cho nhóm mặt hàng và dịch vụ giao thông vận tải tăng tới 6,04% trong tháng 4-2011 và tăng 15,2% trong 4 tháng đầu năm 2011. Tiếp theo là do giá lương thực - thực phẩm tăng 4,5% trong tháng 4-2011.

Hiện nay giá bán lẻ xăng dầu trong nước vẫn thấp hơn so với các nước lân cận, như: Lào, Trung Quốc, Campuchia từ 3.300 đồng - 8.400 đồng/lít. Ngân sách vẫn phải bù lỗ cho nhập khẩu xăng dầu ở mức độ lớn. Liệu tình hình này có thể tiếp tục kéo dài được nữa không và kéo dài trong bao lâu. Vì vậy nếu Chính phủ cho phép điều chỉnh tiếp theo trong thời gian tới giá xăng dầu sẽ làm cho nhóm giao thông vận tải và chi phí một loạt mặt hàng, dịch vụ khác tăng khá.

Cũng theo chủ trương của Chính phủ, từ ngày 1-6-2011, giá bán điện cũng được thực hiện theo giá thị trường, tình hình này đương nhiên là có tác động đến chi phí đầu vào của không ít ngành sản xuất và dịch vụ cũng như đời sống, sinh hoạt. Giá bán lẻ điện tăng cũng góp phần tạo sức ép tăng chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Đồng thời trần giá vé máy bay cũng được điều chỉnh tăng thêm 20%. Từ ngày 8-4-2011, giá vé tàu hỏa cũng tăng từ 5-8%. Giá bán lẻ gas cũng tăng 20.000 đồng - 30.000 đồng/bình. Với diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường thế giới hiện nay, nên giá gas đang chịu sức ép tiếp tục tăng lên. Các lĩnh vực khác sử dụng nhiều xăng dầu (như: đánh bắt thủy hải sản, san lấp mặt bằng, nhiệt điện,...) cũng bị sức ép tăng giá do chi phí xăng dầu tăng. Giá bán lẻ sữa, giá cà phê, hồ tiêu, giá các mặt hàng thủy hải sản tiếp tục tăng.

Dịch bệnh đối với gia súc và gia cầm, khó khăn về nguồn cung thực phẩm ra thị trường

cùng với các chi phí đầu vào của sản xuất lương thực - thực phẩm gia tăng, gây sức ép tăng giá nhóm mặt hàng này trên thị trường. Từ ngày 1-4-2011, giá bán than thị trường trong nước của Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam được Bộ Tài chính cho phép tăng bước I từ 20% - 40%. Một loạt lĩnh vực, nhất là nhiệt điện, sản xuất xi măng, giấy, phân bón, gạch ngói nung,... chịu tác động lớn của việc điều chỉnh này.

6. Giải pháp trong thời gian tới

Về nguyên lý, để kiềm chế lạm phát khi chỉ số CPI tăng cao thì phải thắt chặt tiền tệ, trong đó tập trung là tăng lãi suất chủ đạo của Ngân hàng Trung ương, khi đó sẽ tác động làm tăng lãi suất huy động vốn của các ngân hàng thương mại và làm giảm nhu cầu vay, thu hút bớt tiền từ lưu thông về, làm giảm tổng cầu trong nền kinh tế. Đây được coi là biện pháp cổ điển, có tính truyền thống trong điều hành chính sách tiền tệ thực hiện kiềm chế lạm phát. Song cần phải thấy rõ nguyên nhân của lạm phát không phải chủ yếu là tiền tệ, vì vậy dư luận không nên gây sức ép lớn lên điều hành chính sách tiền tệ, tập trung quá nhiều vào giải pháp tiền tệ từ góc độ ngân hàng, mà cần phải xác định đúng mức tới vấn đề tiền tệ từ góc độ ngân sách nhà nước. Bởi vì dù có thắt chặt chính sách tiền tệ đến mức độ nào đi nữa, rút thêm bao nhiêu tiền từ lưu thông về đi chăng nữa, thì cũng không thể làm cho giá bán lẻ xăng dầu, cước phí giao thông vận tải, giá bán lẻ điện tới hộ tiêu dùng, giá nông sản - thực phẩm, thủy hải sản xuất khẩu giảm được. Trong thực tế thời gian qua cũng như hiện nay, dù có tăng lãi suất lên cao nhưng các ngân hàng thương mại vẫn khó huy động vốn nội tệ, vì người dân sử dụng đầu tư vào các tài sản có tính chất bảo toàn giá trị. Tăng lãi suất huy động vốn làm cho lãi suất cho vay tăng cao, tác động lên sản xuất kinh doanh nói chung. Do đó cần cân nhắc mức độ thắt chặt tiền tệ cũng như phối hợp các biện pháp sử dụng thắt chặt tiền tệ trong thời gian tới. Mức độ thắt chặt cần được căn cứ vào chỉ số CPI, diễn biến thanh khoản của các ngân

hàng thương mại, khả năng chịu đựng của sản xuất kinh doanh và tạo việc làm trong xã hội, sự phối hợp đồng bộ, có hiệu quả của một số chính sách có liên quan (như: chính sách tài khóa, chính sách thương mại, chính sách đầu tư,...) và biện pháp cụ thể của một số bộ ngành khác (như: giảm nhập siêu, nâng cao hiệu quả đầu tư công, tăng cường quản lý thị trường,...). Không thể chỉ “đơn phương, độc mã” về thắt chặt chính sách tiền tệ trong cuộc chiến kiềm chế lạm phát. Cần có lộ trình ngắn hạn giảm lãi suất cho vay trong nền kinh tế. Bên cạnh đó cần có các chính sách cụ thể, hữu hiệu đầu tư phát triển nông nghiệp – nông thôn, kết hợp với chính khuyến nông, khuyến ngư sát thực hơn, có như vậy thì mới vừa có tác dụng góp phần kiềm chế lạm phát tận gốc, vừa đem lại thu nhập cho người nông dân nhờ giá nông sản - thực phẩm trên thị trường thế giới tăng, góp phần phát triển bền vững lĩnh vực này.

Thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, chính sách vĩ mô tác động đến giảm cầu, nhưng cũng cần có chính sách tác động có hiệu quả đến tăng cung của nhóm mặt hàng ảnh hưởng lớn đến lạm phát. Việc tăng cung về sản xuất lương thực - thực phẩm đòi hỏi cả chính sách về khuyến lâm, khuyến ngư, giúp người nông dân giảm thiệt hại, cả chính sách đáp ứng nhu cầu vốn cho người sản xuất. Theo đó, ngân sách cần đầu tư hợp lý, có hiệu quả cho tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp - nông thôn, phòng ngừa dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi, phát triển giống mới, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề,... Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ cho vay cần được nới rộng, khuyến khích đối với các tổ chức tín dụng đầu tư cho khu vực nông nghiệp - nông thôn với mức cao hơn các lĩnh vực khác. Lãi suất và kênh hỗ trợ vốn cũng cần có những biện pháp cụ thể, phù hợp theo hướng nói trên. Cắt giảm chi tiêu ngân sách nhà nước nhưng không vì thế hạn chế đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn; đảm bảo mức tăng trưởng dư nợ tín dụng hợp lý nhưng không thể cào bằng nhu cầu vay của hộ nông dân, kinh tế trang trại, thu mua và chế biến nông

sản, thủy sản, thực phẩm xuất khẩu. Việc đáp ứng nhu cầu vốn, kể cả kênh ngân sách và kênh ngân hàng cho lĩnh vực này không chỉ tạo ra nguồn cung, gia tăng nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu, mà còn tạo việc làm tại chỗ, tạo nền tảng xóa đói giảm nghèo bền vững. Hơn nữa, cần coi giải pháp tăng nguồn vốn cho vay đối với Ngân hàng Chính sách xã hội và mở rộng dư nợ cho vay của định chế tài chính này không ảnh hưởng đến mục tiêu kiềm chế lạm phát mà có tác động đảm bảo an sinh xã hội, góp phần tăng trưởng bền vững. Giảm đầu tư công nhưng không vì thế mà đình hoãn các dự án về lĩnh vực năng lượng, nhiên liệu, thủy lợi, y tế, giáo dục, giao thông quan trọng, mà cần có biện pháp cụ thể đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đó cũng như hiệu quả đầu tư lĩnh vực này.

Phương pháp tính và công bố tỷ lệ lạm phát cũng cần tiếp tục hoàn thiện phù hợp với quá trình hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và thế giới.

Lạm phát ở Việt Nam do nhiều nguyên nhân, bởi vậy cần phải thực hiện đồng bộ các chính sách, các biện pháp; trong đó nguyên nhân nào là chủ yếu thì cần tập trung nhiều hơn cho chính sách đó, chứ không thể tập trung quá nhiều vào thắt chặt tiền tệ từ góc độ ngân hàng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. www.sbv.gov.vn: Các văn bản và thông tin về điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng, trong các tháng 1-5/2011.
2. www.gso.gov.vn: Chỉ số CPI và các chỉ số giá khác, một số công bố khác về điều tra liên quan đến đầu tư,...: công bố từ tháng 1-2010 đến nay
3. www.vneconomy.vn: các thông tin và bài viết có liên quan từ tháng 4-2011 đến nay
4. Một số trang web và tài liệu khác: Tiền tệ - Đầu tư (Báo Lao động, phát hành từ tháng 1 đến tháng 5-2011); Thời báo kinh tế Việt Nam và Thời báo kinh tế Sài Gòn: các số phát hành tháng 3, tháng 4-2011.